

SỐ 1555

LUẬN NGŨ SỰ TỶ BÀ SA

Tác giả: Tôn giả Pháp Cú.

Hán dịch: Tam Tạng Pháp sư Huyền Tráng,

Đời Đường vàng chiếu dịch.

QUYỂN THƯỢNG

Phẩm 1: **PHÂN PHÂN BIỆT SẮC** (Phần đầu)

Kính lạy Phật, Pháp, Tăng

Nay con theo sức mình

Muốn ở biển Đối pháp

Chọn ít nghĩa chân thật.

Xót thương các đệ tử

Giải thích tuệ năng sinh

Năm sự luận diệt ngu

Khiến họ được hỏi pháp.

Tôn giả Thế Hữu vì tạo lợi ích cho hữu tình, nên soạn luận Ngũ Sự, nay con sẽ giải thích:

Hỏi: Giải thích Luận Ngũ Sự này để làm gì?

Đáp: Vì muốn khai pháp nghĩa sâu ẩn. Nếu chưa khai phát nghĩa sâu ẩn này thì khác nào như có “Kho báu trong lòng đất” chưa khai phát, thế gian không thể vui mừng thọ dụng. Nếu vì khai phát nghĩa sâu ẩn này, như có “Kho báu trong lòng đất” khi ta được khai phát thì thế gian có thể vui mừng thọ dụng.

Lại nữa, như mặt trời, mặt trăng dù có đủ ánh sáng uy nghi, nhưng lúc bị mây, v.v... che khuất thì không được chiếu rõ. Nếu loại trừ mọi

thứ che khuất kia, thì việc chiếu sáng sẽ thành. Văn từ của luận này nên biết cũng vậy. Mặc dù dùng biện luận đơn giản các thứ thắng nghĩa, nhưng nếu không được giải thích rộng, e sẽ không được sáng tỏ lắm. Vì muốn được sáng tỏ, nên tôi sẽ giải thích.

Hỏi: Đã biết cần phải giải thích nguyên nhân của Luận Ngũ Sự, vậy vì sao Tôn giả soạn ra luận này?

Đáp: Vì có một số đệ tử lo sợ do phải nhớ giữ rộng, vì muốn giúp họ dựa vào sự tóm tắt đơn giản này mà biết được tự tướng, cộng tướng. Nghĩa là Tôn giả kia thường nghĩ: Mình phải làm sao cho các đệ tử, v.v... sẽ nương tựa vào văn tóm tắt được hiểu rõ tự tướng, cộng tướng của tất cả pháp.

Vì hiểu biết rõ, thí dụ như núi Kim Cương, các gió ác kiến thổi đến cũng không nghiêng động. Nếu không hiểu biết rõ như hoa cỏ lau bị gió ác kiến thổi tung. Ngọn gió ấy xoay vần, thổi tốc lên trong hư không do dự.

Như vậy vì muốn cho các chúng đệ tử được hiểu biết vững chắc, nên soạn luận này.

Hỏi: Thế nào là tự tướng, cộng tướng của các pháp?

Đáp: Các chất cứng, ẩm ướt, ấm v.v... là tự tướng các pháp. Vô thường, khổ v.v... là cộng tướng các pháp. Dù thế gian này có thể nhận biết về tự tướng của các pháp, nhưng về cộng tướng đều không thể biết. Như vậy, vì muốn do các chúng đệ tử đối với các pháp của hai tướng có thể biết như thật, nên soạn luận này.

Hỏi: Đã biết lý do cần phải soạn Luận Ngũ Sự, tại sao luận này lại gọi là Luận Ngũ Sự?

Đáp: Vì trong luận này phân biệt năm việc, cho nên được gọi là Luận Ngũ Sự, nghĩa là dựa vào xứ có thể sinh ra nghĩa việc không khác.

Các đại luận sư A-tỳ-đạt-ma đều nói rằng: Việc có năm thứ:

1. Sự tự tánh.
2. Sự sở duyên.
3. Sự trói buộc.
4. Sự sở nhân.
5. Sự nhiếp thọ.

Nên biết, trong đây chỉ nói về sự tự tánh.

Hỏi: Nếu vậy vì sao nói có năm pháp?

Đáp: Vì nghĩa của pháp và sự cũng không khác.

Hỏi: Vì sao luận này chỉ nói về năm pháp?

Đáp: Có thuyết nói: Câu hỏi này thật phi lý, vì nếu bớt, nếu thêm đều khó khăn.

Có thuyết nói: Nói gọn về thể loại khác nhau của các pháp, không lẫn lộn, gồm thấu tất cả pháp, nên chỉ nói có năm. Nếu tổng số là năm mà lập tên một pháp, thì dù là nói tóm tắt gồm thấu hết các pháp, nhưng không thể làm sáng tỏ về thể loại khác nhau của năm pháp như tâm, v.v... khiến không lẫn lộn

Nếu nói hữu lậu, vô lậu là hai thì Hữu học, Vô học sẽ không phải hai mà là ba thứ. Cõi Dục, Sắc, Vô Sắc, không lệ thuộc là bốn, nên biết cũng vậy.

Hỏi: Sao không nêu tên để biết có năm việc? Vì sao ở đầu luận, trước lại nêu số năm?

Đáp: Như sợi chỉ buộc hoa, vì dễ dễ cầm. Nghĩa là như dùng sợi chỉ xuyên suốt các đóa hoa, dễ cầm, dễ làm đẹp cho đầu và thân. Cũng vậy về nghĩa số hoa được kết liên với nhau, có thể cầm dễ dàng, dễ trang nghiêm tâm tuệ. Hoặc trước nêu số, sau nêu tên, đó là vì danh sáng lập theo nghi thức cũ của tác giả. Nên biết nghĩa của pháp thanh có nhiều thứ, nghĩa là, hoặc có chỗ cho điều giảng nói gọi là Pháp. Như Khế kinh nói: Ông nên lắng nghe cho kỹ, ta sẽ vì ông nói rộng pháp mẫu nhiệm.

Hoặc có cho nói công đức gọi là Pháp. Như Khế kinh nói: “Bí-sô nên biết, pháp là chánh kiến, tà kiến không phải pháp”.

Hoặc lại có chỗ nói: Vô ngã gọi là Pháp. Như Khế kinh nói: “Các pháp vô ngã, nên biết vô ngã trong đây gọi là Pháp. Pháp là năng giữ gìn, hoặc là năng nuôi lớn, năng gìn giữ ở mình, nuôi lớn là nhờ ở người”.

Hỏi: Vì sao trong luận này trước nói về sắc pháp?

Đáp: Vì sắc trong tất cả pháp thì sắc là thô nhất, cho nên là cảnh sở duyên của tất cả thức, vì là môn quan trọng cho người mới vào pháp Phật. Nghĩa là người nhập pháp Phật có hai môn cam lộ:

1. Quán bất tịnh.
2. Ghi nhớ hơi thở.

Người dựa vào quán bất tịnh để vào pháp Phật, thì quán sắc được tạo. Kẻ dựa vào ghi nhíp hơi thở, giữ niệm hơi thở để nhập pháp Phật là quán gió năng tạo.

Hỏi: Dựa vào nghĩa nào mà nói là sắc?

Đáp: Lấn lướt chứa nhóm, lấn lướt tan hoại, gieo trồng sinh trưởng, nghĩa là oán, thân hội ngộ, năng hủy hoại, năng thành lập, đều là nghĩa

của sắc.

Đức Phật nói: Vì đổi thay, hư hoại nên gọi là sắc. Sự đổi thay hư hoại tức là nghĩa nào hoại.

Có thuyết nói: Vì sự đổi thay, trở ngại, nên gọi là sắc.

Hỏi: Cực vi, vô biểu trong quá khứ, vị lai đều không có biến đổi, trở ngại, lẽ ra không gọi là sắc?

Đáp: Cực vi đó cũng là sắc, vì nó có được tướng sắc. Các sắc quá khứ dù không có sự đổi thay, trở ngại, mà vì đã từng đổi thay, trở ngại, nên được đặt tên là sắc. Các sắc ở vị lai dù chưa đổi thay, ngăn ngại, mà chúng sẽ đổi thay, ngăn ngại, nên đặt tên là sắc. Như ở quá khứ, vị lai, dù mắt không thể thấy mà vì đã từng thấy, nên đặt tên là mắt. Vì được tướng của sắc, sắc này lẽ ra cũng như vậy. Mặc dù mỗi cực vi đều không có sự đổi thay, trở ngại, nhưng có thể chứa nhóm thành nghĩa, đổi thay, trở ngại, các sắc vô biểu dù không có sự đổi thay, trở ngại, nhưng vì tùy theo chỗ dựa, nên được gọi là đổi thay trở ngại.

Sở y (đối tượng nương dựa) là gì? Là bốn đại chủng. Do vô biểu kia đổi thay, trở ngại, nên gọi là sắc. Như lúc thân cây xao động, thì bóng cây cũng lay động theo. Hoặc theo phần nhiều, như gọi là đoạn thực, hoặc biểu hiện nội tâm, nên gọi là sắc. Hoặc biểu lộ nghiệp trước, nên đặt tên là sắc.

Sắc là thế nào?

Hỏi: Vì sao Tôn giả lại nói lời này?

Đáp: Vì ở trước đã nói tóm tắt, nay muốn nói rộng. Hoặc là sắc có thấy, có đối. Hoặc là sắc không thấy, có đối. Hoặc là sắc không thấy, không đối. Gồm thân chung gọi là tất cả các sắc.

Nói tất cả, nghĩa là các sắc này đều thuộc về sắc, không phải thứ khác.

Bốn đại chủng:

Hỏi: Vì sao đại chủng chỉ có bốn?

Đáp: Hiếp Tôn giả nói: Câu hỏi này thật phi lý, vì nếu có bớt hoặc thêm đều có sự nghi ngờ. Vì không trái với pháp tướng, gọi là bốn không lỗi.

Có thuyết nói: Để ngăn với năm đại chủng của ngoại đạo nên chỉ có nói bốn thứ, vì ngoại đạo kia chấp hư không cũng là đại chủng.

Hỏi: Vì sao hư không chẳng gọi là đại chủng?

Đáp: Vì hư không chẳng có tướng đại chủng, nghĩa là hư không là rộng lớn, không phải chủng, vì là pháp thường trụ, không có tạo tác.

Đại đức Diệu Âm cũng nói như vậy: Tướng của hư không và đại

chủng đều khác nhau. Hư không dù lớn, nhưng không thể là chủng. Và lại, nếu các đại chủng có thể hình thành thân thì đa số là nghiệp hữu tình thuộc về dị thực. Hư không, chẳng có tướng của nghiệp dị thực đó. Vì vậy nên hư không nhất định không phải đại chủng.

Hỏi: Đã nói đại chủng, nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Vì vừa là chủng, vừa là lớn nên gọi Đại chủng. Như thế gian nói đại địa, đại vương.

Hỏi: Chủng đã nói ở đây là nghĩa gì?

Đáp: Là nghĩa chứa nhóm nhiều, làm chướng ngại lớn, vì làm xong việc lớn, nên gọi là Chủng.

Hỏi: Bốn đại chủng đã làm nên sự nghiệp gì?

Đáp: Bốn đại chủng này có thể tạo ra các sắc được tạo, nghĩa là dựa vào các sắc chứa nhóm của bốn đại, sắc chướng ngại lớn đều được sinh trưởng, như vậy gọi là sự nghiệp của đại chủng.

Hỏi: Tạo là nghĩa gì? Là nhân hay duyên? Nếu là nghĩa nhân thì bốn đại chủng này đối với năm nhân của sắc được tạo đều là không, vậy làm sao có thể nói sự tạo tác là nghĩa nhân? Nếu là nghĩa duyên thì các sắc được tạo, ngoài pháp khác của mình đều là duyên tăng thượng. Điều này không hợp lý, vì chỉ có bốn năng tạo này.

Có thuyết nói: Sự tạo ra là nghĩa của nhân. Mặc dù đối với sắc được tạo, bốn đại chủng không có nghĩa của năm thứ nhân như tương ưng, v.v... mà lại có riêng năm nhân là sinh, nưong, lập, trì, dưỡng.

Lại có thuyết nói: Sự tạo ra là nghĩa của duyên. Mặc dù sắc được tạo, ngoài tự tánh của nó, tất cả các pháp đều là duyên tăng thượng gần, không phải pháp nào khác. Như nói sắc của mắt duyên của là nhãn thức. Thuyết kia nói thắng duyên ở đây cũng nên như vậy.

Hỏi: Có khi nào sắc này không phải là bốn đại chủng, cũng không phải là sắc của bốn đại chủng tạo ra hay chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là một, hoặc hai, ba đại chủng. Vì một, hai, ba này không gọi là bốn. Và lại, vì các đại chủng không phải là đối tượng được tạo.

Hỏi: Vì sao đại chủng không phải là đối tượng được tạo?

Đáp: Vì quả của sắc, tướng của sắc đều khác nhau, hoặc các đại chủng nếu thuộc về đối tượng được tạo, là bốn tạo ra một hay ba tạo ra một? Nếu các đại chủng bốn có thể tạo ra một thì đất, v.v... lẽ ra cũng lại tạo ra đất, v.v... Đây là tự tánh các pháp nên đối đãi nhau. Nhưng tự tánh tất cả pháp không đối đãi nhau, chỉ nhờ duyên khác mà có tác dụng. Nếu các đại chủng ba có thể tạo ra một thì số lượng nhân đã thiếu,

nên không thể tạo được. Như nhân của sắc được tạo phải có đủ bốn.

Hỏi: Đã biết rõ chung về những gì đại chủng và đối tượng được tạo đã tạo ra, lại muốn nghe tướng riêng của hai chủng này? Những gì là đại chủng? Tướng của chúng ra sao?

Đáp: Giới của đất, v.v... gọi là đại chủng, tính chất cứng, v.v... là tướng của chúng.

Hỏi: Nếu tính chất cứng, v.v... là tướng của đất, v.v... thì đối tượng tướng và chủ thể tướng há không thành một chằng?

Đáp: Cho dù tánh, tướng này thành một đi nữa cũng nào có lỗi gì! Vì vậy nên Tỳ-bà-sa nói rằng: Tự tánh ngã, vật, tướng, bản tánh v.v... về danh ngôn dù khác mà nghĩa không khác, vì không thể nói các pháp lìa tự tánh mà có tướng được. Như nói: Sự vắng lặng của Niết-Bàn là tướng tất nhiên, không phải lìa sự vắng lặng mà có Niết-Bàn riêng. Đây cũng nên như vậy, vì thế không có lỗi. Tính chất cứng trong đây, tức là thể cứng của phần cứng. Nói theo chủng loại thì tánh cứng là giới đất, nhưng tính chất cứng này có vô biên sự khác nhau. Nghĩa là sự khác của móng tay, tóc, v.v... của pháp bên ngoài. Vả lại, chất cứng đối khác của tay, chân trong pháp bên trong. Pháp ngoài cũng vậy, nên tính chất cứng là vô biên.

Hỏi: Nếu vậy, tánh cứng lẽ ra thuộc về cộng tướng, sao lại nói là tự tướng của đất, v.v...?

Đáp: Mặc dù tính chất cứng có nhiều, mà tiêu biểu chung như đất, thường đổi thay, ngăn ngại, nêu chung là sắc uẩn, vì sự tiêu biểu đã là một thì không phải cộng tướng.

Có thuyết nói: Tánh cứng bao gồm hai tướng và quán ba đại chủng là tự tướng. Nếu quán về loại cứng, sẽ có vô biên sự khác nhau của trong, ngoài, lại trở thành cộng tướng, như tánh đổi thay trở ngại thuộc chung cả hai tướng. Quán bốn uẩn khác là thành tự tướng. Nếu quán mười một thứ phẩm loại khác nhau của tánh sắc lại thành cộng tướng. Lại như khổ đế, tướng của nó là ép ngặt khi quán ba đế, đây thành ra tự tướng. Nếu quán năm uẩn hữu lậu khác nhau, thì sự bức bách này lại thành cộng tướng, vì tánh cứng cũng vậy nên chung cho cả hai thứ.

Hỏi: Nếu thế thì làm sao kiến lập tự tướng, cộng tướng riêng biệt không lẫn lộn nhau?

Đáp: Vì quán đối đãi, nên không có lỗi lẫn lộn. Nghĩa là nếu quán kia, thì lập làm tự tướng. Chưa từng quán kia, kiến lập thành cộng tướng. Nếu lại quán tự tướng đây kiến lập thành cộng tướng. Chưa từng quán đây mà lập là tự tướng. Cho nên quán tự tướng, cộng tướng đối

đãi nhau.

Hỏi: Đã biết tướng của đại chủng đều khác nhau, sự của đại chủng tạo nghiệp khác nhau như thế nào?

Đáp: Giới đất có công năng gìn giữ hai thứ đi đứng, để không bị té ngã. Giới nước có tánh thể hay gom những việc trái nhau, khiến không lìa tan. Giới lửa có tánh hay nung những vật loại không chín để không bị hư rã. Giới gió có tánh giúp mọi vật được tăng trưởng, hoặc lại lưu dẫn, đó là sự nghiệp đều khác nhau của mỗi đại chủng.

Hỏi: Đất, nước, gió, lửa đều có hai tánh: Tánh cứng, v.v... và thuộc về tự tướng của giới đất, v.v... Tánh của sắc làm sao một pháp được hai tướng?

Đáp: Một pháp có nhiều tướng, điều này đâu có lỗi gì? Như Khế kinh nói: Mỗi thủ uẩn có vô lượng chủng tướng, như bình, v.v... Hoặc tánh cứng, v.v... là giới đất, v.v... thuộc về tự tướng. Trong đó tánh của sắc là thuộc về cộng tướng của giới đất v.v... Nên ở một pháp có hai thứ tướng:

1. Tự tướng.
2. Cộng tướng.

Điều này cũng trái lý.

Hỏi: Như vậy bốn giới có thể lìa nhau không?

Đáp: Bốn giới này lần lượt quyết định không lìa nhau. Làm sao biết được? Vì Khế kinh nói: Kinh Nhập Thai nói: Lúc Yết-lạt-lam, nếu có giới đất không có giới nước, thì tánh của nó sẽ khô ráo, sẽ phải phân tán, vì đã không phân tán, nên biết nhất định có giới nước có công năng thâm nhiếp.

Nếu có giới nước mà không có giới đất thì tánh của nó là dung hòa, lẽ ra phải chảy tan! Đã không chảy tan nên biết nhất định có giới đất để giữ lại.

Nếu có giới nước mà không có giới lửa thì tánh của nó thấm nhuần ẩm ướt, lẽ ra phải hư mục. Vì không hư mục, nên biết chắc chắn là có giới lửa, làm cho chín nhừ.

Nếu có giới lửa, không có giới gió, thì tánh của nó lẽ ra không có nghĩa tăng trưởng. Vì đã tăng trưởng dần nên biết nhất định có giới gió làm lay động.

Hỏi: Nếu vậy, theo Khế kinh nói, phải hiểu như thế nào? Như Khế kinh nói: Bí-sô nên biết, giới lửa trong thân này nếu phát ra, hoặc làm cho chết, hoặc làm cho khổ gần chết.

Đáp: Kinh là nói theo sự tăng thịnh và không tăng thịnh mà nói,

chứ không nói thể của lửa trong thân vốn không.

Hỏi: Giới đất và đất có gì khác nhau không?

Đáp: Giới đất là tánh cứng, đất là hình thể bên ngoài, giới đất là chủ thể tạo, đất là đối tượng được tạo. Địa giới là xúc xứ tiếp xúc do thân thức nhận biết.

Đất là sắc xứ do nhãn thức nhận biết, đó là sự khác nhau giữa giới đất và đất. Nước, lửa cũng vậy, gió hoặc giới gió cũng thế.

Hỏi: Đã biết rõ đủ tướng của bốn đại chủng: Cứng, ẩm ướt, ấm, động, đều lần lượt chống trái nhau. Như bốn con rắn độc cùng ở trong một thân. Lại thế nào muốn hỏi tướng sắc của nó tạo ra, lại là sắc của nó tạo ra?

Đáp: Sắc được tạo đó là nhãn căn, v.v... Vì nhãn tức căn nên gọi là nhãn căn. Như hoa sen xanh, căn khác cũng vậy.

Hỏi: Năm thứ như nhãn, v.v... cũng thuộc về giới, xứ, vì sao trong đây chỉ nói về căn?

Đáp: Vì muốn phân biệt ngoại cảnh như sắc, v.v... nghĩa là nếu nói giới, xứ là nhãn, v.v... thì nghĩa của căn sai khác, khó biết, cho nên trong luận này chỉ nêu tên căn. Đây là chỉ bày rõ trong sắc được tạo, phần bên trong gọi là căn, bên ngoài gọi là nghĩa của căn.

Hỏi: Trong đây nói nghĩa của căn là thế nào?

Đáp: Tăng thượng, hơn hết, thấy rõ, sáng suốt, thích thú quán mẫu nhiệm, v.v... đều là nghĩa của căn.

Hỏi: Nếu nghĩa tăng thượng là nghĩa của căn, thì các pháp hữu vi lần lượt tăng thượng, vô vi cũng là hữu vi tăng thượng, tức tất cả pháp lẽ ra đều là căn?

Đáp: Vì dựa vào sự vượt hơn để kiến lập căn, nên không có lỗi này. Nghĩa là duyên tăng thượng có hơn có kém, nên biết phần nào vượt hơn được gọi là căn.

Hỏi: Căn nào ở đâu, có bao nhiêu tăng thượng?

Đáp: Trong năm căn, mỗi căn đều có bốn việc tăng thượng:

1. Trang nghiêm thân.
2. Dẫn dắt nuôi dưỡng thân.
3. Phát sinh thức, v.v...
4. Việc không chung.

Trước nói về nhãn căn. Trang nghiêm thân, nghĩa là mặc dù thân có đủ các căn khác, nếu thiếu nhãn căn thì trở nên xấu xí.

Dẫn dắt nuôi nấng thân, nghĩa là mắt có thể thấy các sắc an hay nguy, vì được bền lâu.

Phát sinh thức v.v..., nghĩa là dựa vào nhãn căn, tất cả nhãn thức và pháp tương ứng đều được phát sinh.

Việc không chung, nghĩa là tác dụng thấy sắc, chỉ thuộc về nhãn căn, vì hai mươi một căn khác không có tác dụng này.

Kế là phân tích về nhĩ căn: Trang nghiêm thân nghĩa là kẻ tai điếc không thể yêu thích.

Dẫn dắt nuôi dưỡng thân, nghĩa là tai có thể nghe tiếng tốt, xấu, vì tránh khỏi chỗ xấu, đến với nơi tốt đẹp, thân được bền lâu.

Phát sinh thức, v.v... nghĩa là vì dựa vào nhĩ căn, tất cả nhĩ thức và các pháp tương ứng đều được phát sinh.

Việc không chung: Nghĩa là tác dụng nghe tiếng chỉ thuộc nhĩ căn, vì hai mươi một căn khác không có tác dụng này. Tỷ, thiệt, thân căn, về trang nghiêm thân giống như nhãn căn nhĩ căn.

Dẫn dắt nuôi dưỡng thân, nghĩa là ba căn này thọ dụng đoạn thực, (ăn vốc) thân mới bền trụ lâu.

Phát sinh thức, v.v..., nghĩa là dựa vào ba căn tỷ thức, thiệt thức, thân thức và pháp tương ứng đều được phát sinh.

Việc không chung, nghĩa là tác dụng ngửi, nếm, cảm giác về hương, vị, v.v... tiếp xúc thuộc về tỷ, thiệt, thân căn, không phải căn nào khác.

Hỏi: Năm căn như vậy, có đức tốt gì? Cái gì là tự tánh? Nghiệp dụng thế nào?

Đáp: Đức của nhãn căn, nghĩa là cùng với nhãn thức và pháp tương ứng của nó làm chỗ dựa. Tự tánh của nhãn căn tức là sắc tịnh. Khả năng thấy sắc là nghiệp dụng của nhãn. Ba việc của căn kia, giống như nhãn, nên biết. Và lại, trong đây nói căn có nghiệp dụng, không phải là chỗ nương dựa của tất cả căn thức. Vì sắc này lắng sạch, nên gọi là sắc tịnh. Hoặc trong đây làm chỗ nương dựa cho nhãn thức, v.v... làm sáng tỏ cho căn đồng phần nên nói sắc tịnh là nói rõ phần đồng đó.

Hỏi: Sao gọi là đồng phần bỉ đồng phần, căn như vậy hai tên đều gọi là nhãn thì đâu có khác gì nhau?

Đáp: Có nghiệp dụng gọi là căn đồng phần, căn không có nghiệp dụng gọi là bỉ đồng phần. Như có thể thấy sắc gọi là mắt đồng phần, không thấy sắc gọi là bỉ đồng phần.

Sự khác nhau của bỉ đồng phần ở mắt có bốn thứ sai khác.

1. Có nhãn đồng phần kia trong quá khứ, nghĩa là không thể thấy các sắc đã mất.

2. Có nhãn đồng phần kia trong hiện tại, không thể thấy các sắc

đã mất trong hôm nay.

3. Có mắt đồng phần kia ở vị lai, nghĩa là không thể thấy các sắc sẽ mất.

4. Có mắt ở vị lai nhất định không sinh.

Sự khác nhau của mắt đồng phần chỉ có ba thứ. Nghĩa là trừ vị lai nhất định mắt không phát sinh. Bốn thứ như nhĩ căn, v.v... cũng giống như mắt nên biết. Hoặc còn có năm thức, đều có hai chỗ dựa:

1. Sinh cùng lúc, nghĩa là năm căn như mắt, v.v...

2. Không gián đoạn tiêu mất, nghĩa là ý căn, chỉ nói thức dựa vào ý buồng lung không gián đoạn, chỉ có năm thể của sắc tịnh lẽ ra đồng nhau. Do vậy nên nói sắc tịnh là để phân biệt với. Ý không gián đoạn, làm chỗ nương cho nhãn thức, v.v... sự khác nhau của nhãn căn, v.v... có năm thứ.

Do đấy, nên nói chỗ dựa của năm thức với duyên đẳng vô gián khác nhau đều có bốn trường hợp:

Nhãn căn v.v... đều cùng phát sinh là trường hợp thứ nhất.

Tâm sở không gián đoạn diệt là trường hợp thứ hai.

Tâm gián đoạn diệt là trường hợp thứ ba.

Trừ các pháp đã nêu ở trước là trường hợp thứ tư.

Hỏi: Cái gì có thể thấy sắc? Là nhãn căn thấy, hay nhãn thức thấy? Là tuệ tương ứng với nhãn thức thấy sắc hay tâm, tâm sở hòa hợp mà thấy?

Tất cả những gì ông đã hoài nghi đều có lỗi, vì nếu nhãn căn thấy thì lúc thức khác hoạt động sao không thấy sắc? Sao không đều cùng nhận lấy tất cả cảnh?

Nếu nhãn thức thấy, các thức chỉ lấy sự phân biệt rõ làm tướng, không phải trông thấy làm tướng, đâu thể thấy sắc? Nếu tuệ tương ứng với nhãn thức mà thấy, nên thừa nhận vẫn tuệ tương ứng với nhĩ thức. Tại kia đã chẳng nghe thì mắt này làm sao thấy? Nếu tâm, tâm sở hòa hợp mà thấy được thì các tâm, tâm sở hòa hợp không nhất định. Nghĩa là nhãn thức thiện tương ứng với hai mươi hai tâm sở. Nhãn thức bất thiện tương ứng với hai mươi một tâm sở, nhãn thức hữu phú, vô ký tương ứng với mười tám thứ tâm sở.

Đã không quyết định thì làm sao hòa hợp?

Đáp: Nhãn căn có thể thấy, nhưng phải hợp vị với nhãn thức, chứ không phải pháp khác. Ví như nhãn thức có tác dụng biểu thị nêu bày sắc là do dựa vào mắt mới có. Vả lại, như thọ, v.v... có tác dụng lãnh nạp, v.v... tất nhiên dựa vào tâm. Nhãn thức đây lẽ ra cũng như vậy. Do

lý thú này, nên lúc thức khác hoạt động, mắt đã nhận thức hư không, chẳng có khả năng thấy sắc, cũng không cùng nhận lấy tất cả cảnh mắt mắt, vì trong một sự nối tiếp nhau không có chuyển biến của hai tâm.

Hỏi: Vì sao có đủ sáu chỗ dựa, đối tượng duyên, lại không có sáu thức đều chuyển biến trong một sự nối tiếp nhau?

Đáp: Vì duyên đẳng vô gián chỉ có một, lại có nghĩa khác, nếu nhãn thức thấy thì cái gì có khả năng nhận thức? Nếu tuệ thấy, thì cái gì lại có thể biết? Nếu tâm, tâm sở hòa hợp có thể thấy thì mỗi nghiệp dụng của các pháp sẽ không đồng nhau. Trong đó nhất định sẽ không có nghĩa hòa hợp mà thấy. Lại nữa, lẽ ra trong một thể có hai tác dụng, tức thừa nhận có tác dụng thấy và nhận lãnh, v.v...

Lại có nghĩa khác, nếu thức thấy, thức không có đối thì khả năng thấy sẽ bị các sắc gây trở ngại! Tuệ và sự hòa hợp, nên biết cũng vậy. Thế nên nhãn căn được gọi riêng là năng thấy.

Hỏi: Đã biết tác dụng thấy chỉ thuộc về nhãn căn, vậy lúc mắt thấy là hai, hay một?

Đáp: Việc này không quyết định. Nếu lúc mở hai mắt đều thấy các sắc, thì lúc một mắt mở, một mắt che lại, thì ở trước mắt thấy hai mặt trắng, v.v... Nếu nhắm một mắt, che một mắt thì việc này sẽ là không, cho nên, có lúc cả hai mắt đều cùng thấy.

Lại nữa, Luận Phát Trí nói: Nhãn đều thấy. Nghĩa là lúc mở cả hai mắt thì sự trông thấy sẽ rõ ràng v.v... Hai tai, hai mũi, nên biết cũng vậy.

Hỏi: Vì sao hai mắt, hai tai, hai mũi, mặc dù đều có hai chỗ mà lập một căn?

Đáp: Hai vị trí nhưng vì thể loại chỉ có một. Vì hai cảnh sở chấp thuộc về một giới, hai thức năng y vì thuộc về một thức. Lại nữa, cả hai đều, có thể chấp cảnh. Mặc dù có hai xứ mà lập một căn. Như căn nữ, căn nam tức thuộc về thân căn, thế nên ở đây không lập riêng căn. Cực vi của nhãn căn tỏa khắp trên tròng mắt, đối với cảnh mà trụ như hoa hương lãng. Cực vi của nhĩ căn ở trong lỗ tai xoay vòng mà đứng như vỏ cây hoa, cực vi của tỷ căn ở trong sống mũi, trên lưng, chúc xuống như hai móng tay. Cực vi của thiệt căn ở khắp trên lưỡi hình bán nguyệt. Nhưng ở trong lưỡi có lợng như lông, tóc, không có thiệt căn. Cực vi của nhãn căn ở khắp các thân phần.

* * * * *